

Biểu số 1:

**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**

(Kèm theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh)

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặt dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
A	CÁC DỰ ÁN TỪ CÁC NĂM TRƯỚC TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2025				227,37	23,72	0,00	6,36	0,00	197,29			
	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 (15 dự án)				222,86	23,64	0,00	6,36	0,00	192,86			
I	Huyện Tuy Phong (2)				53,50	1,37	0,00	6,36	0,00	45,77			
1	Mở rộng Kho trung chuyển xăng dầu	Đất thương mại, dịch vụ	Công ty TNHH Dương Đông - Bình Thuận	Thị trấn Phan Rí Cửa	14,50			6,36		8,14	Quyết định số 4138/QĐ-BCT ngày 25/4/2015 của Bộ Công thương		Được UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Quyết định số 2764/QĐ- UBND ngày 30/10/2019, Công ty đã hoàn thành phương án trồng rừng thay thế và đã nộp tiền vào ngân sách, đang tiếp tục thực hiện
2	Dự án đường liên huyện dọc kênh chính qua các huyện Hàm Thuận Bắc - Bắc Bình - Tuy Phong	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận	Các xã: Phong Phú, Phú Lạc, Hoà Minh, Vinh Hào	39,00	1,37				37,63	Quyết định số 1673/QĐ- UBND ngày 22/6/2017 và Quyết định số 854/QĐ- UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh		Dự án đang hoàn chỉnh hồ sơ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
II	Huyện Bắc Bình (3)				95,93	4,09	0,00	0,00	0,00	91,84			
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Xuân An 2 (khu P1, P2 ,P3)	Đất ở tại đô thị	UBND huyện Bắc Bình	Thị trấn Chợ Lầu	5,38	2,35				3,03	Quyết định số 5390/QĐ- UBND ngày 05/10/2018 của UBND huyện Bắc Bình		Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (hiện nay còn 2 hộ)
4	Dự án đường liên huyện dọc kênh chính qua các huyện Hàm Thuận Bắc - Bắc Bình - Tuy Phong	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận	Các xã: Bình An, Hải Ninh, Phan Điện, Phan Hòa, Bình Tân, Sông Bình, Sông Lũy	90,00	1,19				88,81	Quyết định số 1673/QĐ- UBND ngày 22/6/2017 và Quyết định số 854/QĐ- UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh		Đã ban hành quyết định thu hồi đất. Hiện nay đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
5	Đường trục chính nội đồng Lương Sơn	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận	Thị trấn Lương Sơn	0,55	0,55					Quyết định số 118/QĐ- SKHĐT ngày 20/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư		Đã ban hành quyết định thu hồi đất. Hiện nay đang thực hiện chuyển mục đích
III	Huyện Hàm Thuận Bắc (4)				10,13	4,64	0,00	0,00	0,00	5,49			

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
6	Khu tái định cư thị trấn Ma Lâm	Đất ở tại đô thị	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	Thị trấn Ma Lâm	4,22	3,52				0,70	Quyết định 896/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh		Đã thực hiện thu hồi đất, chuyển tiếp để xin chuyển mục đích đất lúa
7	Mở rộng đường Lê Hồng Phong	Đất công trình giao thông	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	Thị trấn Ma Lâm	0,50	0,30				0,20	Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND huyện Hàm Thuận Bắc		Chuyển tiếp để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất
8	Tuyến đường dân sinh kết hợp vào dự án rừng đầu Hồng Liêm	Đất công trình giao thông	Công ty Cổ phần Rạng Đông	Xã Hồng Liêm	5,00	0,77				4,23	Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND huyện Hàm Thuận Bắc và Công văn số 5529/UBND-ĐTQH ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh		Đang triển khai thực hiện thu hồi đất
9	Tuyến đường điện phục vụ Nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Xã Hàm Phú	0,41	0,05				0,36	Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh		Chuyển tiếp để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất
IV	Huyện Hàm Thuận Nam (4)				56,74	10,41				0,00			
10	Trường tiểu học Hàm Kiệt 2	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	UBND huyện Hàm Thuận Nam	Xã Hàm Kiệt	1,43	0,69				0,74	Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 08/5/2021 của UBND tỉnh, Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh		Đã ban hành thông báo thu hồi đất. Hiện đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
11	Nhà máy sản xuất gạch Hoffman	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Công ty TNHH Trường Thành	Xã Tân Lập	3,10	0,26				2,84	Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000446, chứng nhận thay đổi lần đầu ngày 18/5/2010		Đang lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất
12	Tuyến đường ĐT 719B - Hòn Lan - Tân Hải	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã: Tân Thuận; Tân Thành	25,44	1,80				23,64	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 18/01/2021 và Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 31/5/2021		Đã ban hành thông báo thu hồi đất. Hiện đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
13	Tuyến kênh tưới Đu Đu - Tân Thành	Đất công trình thủy lợi	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận	Các xã: Tân Lập, Tân Thuận, Tân Thành và thị trấn Thuận Nam	26,77	7,66				19,11	Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của UBND tỉnh		Đã có thông báo thu hồi đất (diện tích đất thu hồi phát sinh 8,8 ha đã được cập nhật vào Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh)
V	Huyện Tánh Linh (1)				4,00	3,10	0,00	0,00	0,00	0,90			
14	Tuyến đường N26 tại thị trấn Lạc Tánh	Đất công trình giao thông	UBND huyện Tánh Linh	Thị trấn Lạc Tánh	4,00	3,10				0,90	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh		Đang triển khai thực hiện thu hồi đất

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Cơ sở pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
VI	Đất Công trình giao thông trên toàn tỉnh (1)				2,56	0,03		0,00		2,53			
15	Dự án đền bù giải tỏa và rà phá bom mìn, vật liệu nổ đối với các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thuộc dự án LRAMP (diện tích các mô cầu)	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các huyện Hàm Thuận Bắc, Đức Linh, Hàm Tân, Tân Linh, Hàm Thuận Nam, Bắc Bình và Tuy Phong	2,56	0,03				2,53	Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 11/7/2018, Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 18/4/2022, Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 24/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư,		Đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư
	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 (1 dự án)				4,51	0,08		0,00		4,43			
I	TP. Phan Thiết (1)				4,51	0,08		0,00		4,43			
16	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở xã hội xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết	Đất ở nông thôn	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bình Thuận	Xã Tiến Lợi	4,51	0,08				4,43	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư		Tiếp tục thực hiện công tác bồi thường
B	CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI				97,57	29,07	0,00	1,97	13,03	53,50			
I	Huyện Bắc Bình (5)				7,28	0,39	0,00	0,00	2,34	4,55			
1	Trụ sở Công an xã Bình Tân	Đất an ninh	UBND huyện Bắc Bình	Xã Bình Tân	0,21	0,21					Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện phê duyệt báo cáo KTKT	Vốn ngân sách	
2	Nhà văn hoá xã Bình Tân	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	UBND huyện Bắc Bình	Xã Bình Tân	0,17	0,17					Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	Vốn ngân sách	Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND tỉnh, diện tích dự án là 0,2 ha. Theo kết quả đo đạc địa chính thì tổng diện tích dự án thực tế là 0,37 ha; do đó phát sinh diện tích đất lúa 0,17 ha

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
3	Đường dọc kênh phát triển KT-XH vùng chiến khu Lê Hồng Phong	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã: Hồng Phong, Hòa Thắng và thị trấn Lương Sơn	2,34				2,34		Quyết định số 65/QĐ-SKHĐT ngày 04/4/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án đầu tư	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 là 2 ha và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 là 5,25 ha. Bổ sung diện tích đất rừng sản xuất
4	Nâng cấp, mở rộng đường Sông Lũy - Phan Tiến (đoạn từ QL1 đến Km6+300)	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Xã Sông Lũy	4,56	0,01				4,55	Quyết định số 293/QĐ-SKHĐT ngày 18/8/2023, 137/QĐ-SKHĐT ngày 08/7/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án đầu tư	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 là 4,17 ha, nay đăng ký bổ sung 4,56 ha
II	Huyện Hàm Thuận Bắc (6)				25,60	10,33	0,00	1,97	0,00	13,30			
5	Trường Mẫu giáo xã Hàm Trí	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	Xã Hàm Trí	0,40	0,40					Quyết định số 86/QĐ-SKHĐT ngày 29/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 78/NQ-HĐND bổ sung thêm công trình chuyên đất mục đích đất lúa
6	Công trình bê tông xi măng đường thôn Suối Đá, xã Hồng Sơn	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Hàm Thuận Bắc	Xã Hồng Sơn	0,20	0,10				0,10	Quyết định số 4785/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND huyện	Vốn ngân sách	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao (đoạn từ Km20-000 đến Km31+000)	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã: Hàm Phú, Hàm Trí, Thuận Minh	5,14	3,80				1,34	Quyết định số 432/QĐ-SKHĐT ngày 13/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, diện tích 6,60 ha; nay bổ sung thêm diện tích 5,41 ha
8	Đường Mỹ Thạnh - Đông Giang	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Bình Thuận	Xã Thuận Minh và xã Đông Giang	3,58			1,97		1,61	Quyết định 2984/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh và Quyết định số 124/QĐ-SKHĐT ngày 31/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, diện tích 5,97 ha; nay bổ sung thêm diện tích 3,58 ha

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
9	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vinh Hào - Phan Thiết thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020. Trong đó: Hạng mục Trạm dừng nghỉ Km205+092, xã Hàm Trí: 9,97 ha, Hạng mục các đường gom phát sinh: 6,20 ha, Hạng mục điều chỉnh vị trí đầu nối đường dân sinh tỉnh xã Ngọc Hiệp vào Quốc Lộ 28: 0,07 ha.	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án 7 - Bộ Giao thông vận tải	Các xã: Hàm Trí, Hồng Liêm và thị trấn Ma Lâm	16,24	5,99				10,25	Quyết định số 3173/QĐ-BQLDA7 ngày 24/11/2023 của Ban Quản lý dự án 7 - Bộ Giao thông vận tải	Vốn ngân sách	
10	Tuyến đường điện phục vụ Nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Xã Hàm Phú	0,04	0,04					Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh	Vốn ngoài ngân sách	Theo Nghị quyết 58, diện tích 0,41 ha, trong đó đất trồng lúa là 0,05 ha. Tuy nhiên, diện tích thực tế đất lúa là 0,09 ha. Đăng ký bổ sung thêm 0,04 ha đất trồng lúa để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất
III	TP. Phan Thiết (3)				10,69	0,00	0,00	0,00	10,69	0,00			
11	Dự án Đài dẫn đường, trạm địa phòng không và đường giao thông kết nối (Tên cũ là dự án: Đài dẫn đường xa K1, M1, M2, M3; trạm địa pháo 2,3,4 và đường kết nối)	Đất quốc phòng	Quân chủng Phòng không - Không quân	xã Thiệp Nghiệp và phường Hàm Tiến	4,54				4,54		Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 18/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Vốn ngân sách	Dự án có trong Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 diện tích 9 ha với tên cũ là: Đài dẫn đường xa K1, M1, M2, M3; trạm địa pháo 2,3,4 và đường kết nối; nay đổi tên bổ sung thêm diện tích 4,54 ha
12	Dự án du lịch biệt thự cao cấp King Sea Phan Thiết	Đất thương mại, dịch vụ	Công ty TNHH Đại Thanh Quang	Xã Tiến Thành	4,13				4,13		Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của UBND tỉnh	Vốn ngoài ngân sách	
13	Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ thung lũng xanh (Green Valley)	Đất thương mại, dịch vụ	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải An	Xã Tiến Thành	2,02				2,02		Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 913/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh	Vốn ngoài ngân sách	
IV	Huyện Hàm Thuận Nam (2)				10,75	1,17	0,00	0,00	0,00	9,58			
14	Khai thác sét gạch ngói tại khu vực Tân Lập 2, xã Tân Lập	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Công ty Cổ phần Sông Phan	Xã Tân Lập	10,73	1,15				9,58	Giấy phép số 1176/GP-UBND 29/04/2009, Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 22/3/2021, Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh chủ trương đầu tư	Vốn ngoài ngân sách	

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Cơ sở pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
15	Đường Hàm Kiệm - Tiến Thành (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT. 719B, Hạng mục: di dời đường dây điện cao thế 110 kV)	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Xã Hàm Kiệm	0,02	0,02				0,00	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 19/6/2020, 1069/QĐ-UBND ngày 04/5/2021, 1425/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư	Vốn ngân sách	
V	Huyện Hàm Tân (2)				6,66	0,07	0,00	0,00	0,00	6,59			
16	Đường từ thị trấn Tân Minh đi xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã: Tân Đức, Tân Phúc, Tân Hà, Tân Xuân, Sơn Mỹ và thị trấn Tân Minh,	4,57	0,04				4,53	Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh, Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh.	Vốn ngân sách	Dự án này đã có trong Nghị Quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 với diện tích 63,77 ha (được chuyển tiếp tại Biểu số 4). Tuy nhiên, khi thực hiện đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất thì diện tích có thay đổi thành 68,34 ha tăng 4,57 ha và cập nhật lại vị trí đi qua địa bàn các xã.
17	Đường tránh ĐT.719 và cầu qua sông Dinh, thị xã La Gi	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Xã Tân Xuân	2,09	0,03				2,06	Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư	Vốn ngân sách	
VI	TX. La Gi (2)				2,32	2,32	0,00	0,00	0,00	0,00			
18	Trục đường ven biển ĐT.719 đoạn Hòn Lan - Tân Hải	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã	1,46	1,46					Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 18/01/2021 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh	Vốn ngân sách	Công trình này đã có trong nghị Quyết số 58/NQ-HĐND, ngày 08/12/2021 về thu hồi đất (đã đăng ký chuyển tiếp). Nay rà soát, bổ sung diện tích đất lúa 1,46 ha.
19	Đường tránh ĐT.719 và cầu qua sông Dinh, thị xã La Gi	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Xã Tân Bình và Tân Phước	0,86	0,86					Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của HĐND tỉnh	Vốn ngân sách	Công trình này đã có trong nghị Quyết số 44/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thu hồi đất (đã đăng ký chuyển tiếp). Nay rà soát, bổ sung diện tích đất lúa 0,86 ha.
VII	Huyện Tánh Linh (2)				7,98	7,98	0,00	0,00	0,00	0,00			

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Căn cứ pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đất dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
20	Khai thác sét gạch ngói	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Doanh nghiệp tư nhân Tân Lộc Sơn	Xã Gia An	0,97	0,97					Giấy phép khai thác khoáng sản số 1033/GP-UBND ngày 13/5/2010	Vốn ngoài ngân sách	Tổng diện tích dự án là 7,9 ha, đã được UBND tỉnh cho thuê đất (đợt 1) với diện tích 01 ha, tiếp đến có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa với diện tích 5,93 ha, đối với diện tích 0,97 ha còn lại đăng ký vào danh mục để tiếp tục thực hiện dự án
21	Khai thác sét gạch ngói	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Doanh nghiệp tư nhân Anh Quân	Xã Gia An	7,01	7,01					Giấy phép khai thác khoáng sản số 872/GP-UBND ngày 07/4/2011	Vốn ngoài ngân sách	Tổng diện tích dự án là 15 ha, đã được UBND tỉnh cho thuê đất với diện tích 0,83 ha, tiếp đến trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa với diện tích 7,16 ha, đối với diện tích 7,01 ha còn lại đăng ký vào danh mục để tiếp tục thực hiện dự án.
VIII	Huyện Đức Linh (2)				21,29	1,81	0,00	0,00	0,00	19,48			
22	Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tại xã Trà Tân	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Xã Trà Tân	1,49	1,49					Quyết định 2603/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh	Vốn ngoài ngân sách	
23	Nâng cấp, mở rộng đường MêPu - ĐaKai	Đất công trình giao thông	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bình Thuận	Các xã: Sùng Nhơn, Mê Pu, Đa Kai	19,80	0,32				19,48	Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 và Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh	Vốn ngân sách	Tổng dự án là 20,94 ha. Đã có trong Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 là 1,14 ha, đăng ký bổ sung 19,80 ha
IX	Chuyển mục đích đất trồng lúa sang đất ở của hộ, gia đình các nhân				5,00	5,00	0,00	0,00	0,00	0,00			

STT	Dự án, công trình	Mục đích sử dụng đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Diện tích (ha)	Trong đó					Cơ sở pháp lý	Nguồn vốn	Ghi chú
						Đất lúa	Đất rừng đặt dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
24	Chuyển mục đích đất trồng lúa sang đất ở	Đất ở tại đô thị, Đất ở tại nông thôn	Hộ, gia đình cá nhân	Các huyện, thị xã, thành phố: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh, La Gi, Phan Thiết	5,00	5,00					Đơn xin chuyển mục đích của hộ, gia đình cá nhân	Vốn ngoài ngân sách	